

Bản án số: 118/2025/DS-ST
Ngày: 12-9-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài

sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tùng Châu;

2. Bà Lê Thị Tú Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ái Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Cẩm Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Lê Quốc D**, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số F, đường M, Phường C, thành phố V (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số D, Khóm B, Phường C, thành phố V (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 26/12/2024) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Ông **Trương Hoàng Q**, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số E, đường P, Phường C, thành phố V (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Phan Thị B**, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số E, đường P, Phường C, thành phố V (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú hiện nay: Số H, ấp L, xã T, huyện L (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2025 của ông Lê Quốc D và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của ông D là ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, bạn bè làm ăn chung, Vào ngày 03/02/2024, ông D cho ông Q và bà B vay số tiền 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng), thoả thuận bằng miệng lãi suất 2%/tháng và thời hạn trả là 03 tháng, chỉ có cá

nhân ông Q có viết giấy biên nhận tiền ngày 03/02/2024 và ký tên, có người chứng kiến là Trần Ngọc T, không có ký nhận của bà B.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Q có thể chấp cho ông D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 257, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.466,4m², mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 751506, số vào sổ cấp GCN: CS06362 do Sở T1 ký cấp ngày 26/4/2018 cho hộ ông Trương Hoàng Q và bà Phan Thị B

Về hình thức thế chấp: Ông Q và ông D không có xác lập văn bản hợp đồng thế chấp, không có kê khai đăng ký thế chấp và chứng thực hợp đồng. Nội dung thế chấp không có chi tiết quyền và nghĩa vụ mà chỉ giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 257 cho ông D giữ làm tin. Biên nhận đề ngày 03/02/2024 không có chữ ký của bà Phan Thị B nhưng khi ông Q vay tiền của ông D thì bà B biết, do quen biết nên ông Q không yêu cầu bà B ký tên vào biên nhận nhận tiền nên bà B phải cùng có trách nhiệm trả. Vì vậy, số tiền 500.000.000đồng là vợ chồng ông Q và bà B vay tiền của ông D và ông Q và bà B có trách nhiệm trả cho ông D.

Sau khi vay tiền, ông Q và bà B không trả tiền vốn vay và tiền lãi suất, sau nhiều lần liên lạc điện thoại và đến nhà tìm ông Q nhưng không gặp được ông Q. Ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông D đã nhiều lần đòi nợ, nhưng ông Q và bà B không trả cố tình tránh né.

Ông Lê Quốc D yêu cầu khởi kiện:

Buộc ông Trương Hoàng Q và bà Phan Thị B có trách nhiệm hoàn trả cho ông D tính đến ngày 25/12/2024 tổng số tiền là 589.086.666đồng (năm trăm tám mươi chín triệu lẻ tám mươi sáu nghìn đồng) (trong đó tiền vốn vay 500.000.000đồng và tính lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày vay 03/02/2024 đến ngày 25/12/2024 lãi 89.086.000đồng, tiếp tục tính lãi từ ngày 26/12/2024 đến ngày xét xử.

Tại tờ tường trình ngày 12/9/2025 ông Nguyễn Văn H, đại diện ông Lê Quốc D trình bày yêu cầu:

Buộc ông Trương Hoàng Q và bà Phan Thị B có trách nhiệm hoàn trả cho ông D tính đến ngày 12/9/2025 tổng số tiền là 535.551.666đồng (năm trăm ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) (trong đó tiền vốn vay 500.000.000đồng và tính lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày vay 26/12/2024 đến ngày xét xử (ngày 12/9/2024) lãi 35.551.666đồng.

Đồng ý trả lại cho ông Q và bà B 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 257, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.466,4m², mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 751506, số vào sổ cấp GCN: CS06362 do Sở T1 ký cấp ngày 26/4/2018 cho hộ ông Trương Hoàng Q và bà Phan Thị B

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Biên nhận ngày 03/02/2024; bản sao 01 giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 257. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

** Đối với bị đơn ông Trương Hoàng Q, bà Phan Thị B:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông D.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông Nguyễn Văn H1 đại diện nguyên đơn Lê Quốc D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Trương Hoàng Q, bà Phan Thị B vắng mặt tại phiên tòa.

** Quan điểm Kiểm sát viên:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý đơn kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Biên nhận đề ngày 03/02/2024, ông Q nhận số tiền là 500.000.000đồng, không có chữ ký của bà Phan Thị B. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà B có nghĩa vụ liên đới trả nợ, bà B không cung cấp ý kiến có phải là nợ chung của vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Q phải trả cho ông D số tiền 500.000.000đồng; không chấp nhận buộc bà B cùng có nghĩa vụ liên đới cùng ông Q trả nợ cho ông D;

Ông D và ông Q không có thoả thuận lãi suất trong biên nhận, nguyên đơn trình bày thoả thuận thời hạn vay là 03 tháng và lãi là 2%/tháng, ông Q vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến là không có căn cứ chấp nhận vay có thoả thuận có kỳ hạn và có lãi khi vay; tuy nhiên ghi nhận sự tự nguyện yêu cầu trả lãi từ ngày khởi kiện (ngày 26/12/2024) đến ngày xét xử sơ thẩm là 08 tháng 17 ngày là 35.551.666đồng Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 464, 465, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D. Buộc ông Trương Hoàng Q trả ông Lê Quốc D số tiền nợ gốc 500.000.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 26/12/2024 đến ngày xét xử (ngày 12/9/2025) là 35.551.666đồng,

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D: Buộc bà Phan Thị B cùng liên đới trả nợ với ông Trương Hoàng Q.

Buộc ông D phải trả lại cho Trương Hoàng Q, và bà Phan Thị B 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 257, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.466,4m², mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 751506, số vào sổ cấp GCN: CS06362 do Sở T1 ký cấp ngày 26/4/2018 cho hộ ông Trương Hoàng Q và bà Phan Thị Bình

Buộc ông Trương Hoàng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật,

Ông Lê Quốc D được miễn án phí thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn xin miễn án phí,

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông D yêu cầu ông Q, bà B trả nợ gốc là 500.000.000đồng và tiền lãi, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; bị đơn có nơi cư trú tại tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long;

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc D.

[2.1] Về tiền nợ gốc: Ông D yêu cầu ông Q, bà B trả 500.000.000đồng, chứng cứ để ông D xác định yêu cầu là biên nhận tiền ngày 03/02/2024 có chữ ký và ghi bên nhận là Trương Hoàng Q (bản chính, theo mẫu có viết tay);

Xét về nghĩa vụ trả nợ: Biên nhận tiền ngày 03/02/2024, không có chữ ký của bà Phan Thị B. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà B có nghĩa vụ liên đới trả nợ, bà B không cung cấp ý kiến có phải là nợ chung của vợ chồng và bà B có nghĩa vụ trả. Do đó, không có cơ sở chấp nhận buộc bà B cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc cùng ông Q;

Quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn Trương Hoàng Q đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không phản đối tình tiết, sự kiện tài liệu do nguyên đơn đưa ra theo quy định tại Điều 91, khoản 5 Điều 177, Điều 179, 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, đồng thời cũng không có

văn bản ý kiến gì phản đối. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết ông Q nợ ông D là sự thật. Nguyên đơn yêu cầu bà B liên đới cùng ông Q trả nợ vay cho ông D là không có cơ sở chấp nhận; giấy biên nhận nhận tiền không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả; chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp nên việc ông D yêu cầu ông Q trả nợ gốc 500.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về tiền nợ lãi:

Tại “biên nhận ngày 03/02/2024” ông D cho ông Q vay 500.000.000đồng là có thật, tại biên nhận không thỏa thuận lãi và thời hạn trả do đó xác định hợp đồng vay không lãi và không kỳ hạn, do đó, theo đơn khởi kiện nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lãi từ ngày vay (ngày 03/02/2024) đến ngày xét xử (ngày 12/9/2025) với mức lãi suất là 1,66%/tháng là chưa phù hợp với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn tự nguyện điều chỉnh lãi suất và thời gian yêu cầu trả lãi, yêu trả lãi từ ngày 26/12/2024 đến ngày xét xử (ngày 12/9/2025), là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp toàn bộ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 26/12/2024 đến 12/9/2025. Thành tiền: $(500.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 260 \text{ ngày}) : 30 = 35.551.666\text{đồng}$.

Vì vậy, ông Trương Hoàng Q có nghĩa vụ trả cho ông Lê Quốc D số tiền vốn vay và lãi là 535.551.666đồng (trong đó nợ gốc là 500.000.000đồng; nợ lãi là 35.551.666đồng)

Nguyên đơn yêu cầu bà B liên đới cùng ông Q trả nợ lãi là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Xét thấy, ông D đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 257, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.466,4m², mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng của hộ ông Q và bà B; theo công văn phúc đáp số: 1355/VPĐKĐĐ-TTTLT ngày 05/5/2025 của văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T1 ngày 05/5/2025, cung cấp thông tin tài liệu đất đai hộ ông Q và bà B gồm có ông Q và bà B. Đối với việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 257 thì do ông Trương Hoàng Q thế chấp và ông D nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc thỏa thuận thế chấp không có đăng ký giao dịch bảo đảm, không lập hợp đồng thế chấp, chỉ ghi nội dung tại biên nhận “*Có thế chấp thửa đất 257, tờ bản đồ số 13 tại T, Vĩnh Long*”; quyền sử dụng đất cấp cho ông Q, thành viên hộ là bà B nhưng chưa được sự đồng ý của đồng sử dụng khác, ông Q và ông D tự ý thực hiện thỏa thuận thế chấp để đảm bảo giao dịch vay tiền là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị B được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông D cũng thông nhất trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 257 cho các đồng sử dụng,

nhưng trả sau khi ông Q trả hết nợ cho ông D là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị B được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên buộc ông D phải trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 257, tờ bản đồ số 13 cho ông Q và Bà B là có căn cứ.

[4] Về án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Trương Hoàng Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông Lê Quốc D được chấp nhận (với mức thu 05% của giá trị tranh chấp) là 25.422.000đồng;

- Bà Phan Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Lê Quốc D thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên xem xét được miễn án phí.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 351, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 2, 5, 6, 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc D về việc buộc ông Trương Hoàng Q trả nợ.

Buộc ông Trương Hoàng Q có nghĩa vụ trả cho ông Lê Quốc D số tiền là 535.551.666đồng (năm trăm ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) (trong đó, nợ gốc 500.000.000đồng; tiền lãi 35.551.666đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc D về việc buộc bà Phan Thị B cùng liên đới với ông Trương Hoàng Q trả nợ cho ông D.

1.3. Buộc ông Lê Quốc D phải trả lại cho Trương Hoàng Q, và bà Phan Thị B 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 257, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.466,4m², mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 751506, sổ vào sổ cấp GCN:

CS06362 do Sở T1 ký cấp ngày 26/4/2018 cho hộ ông Trương Hoàng Q và bà Phan Thị B

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Trương Hoàng Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 25.422.000đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng).

2.2. Ông Lê Quốc D được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Kim Yến